



Báo cáo thường niên 2009

Mục lục

Thông điệp của chủ tịch Hội đồng Quản trị	04
Lịch sử hoạt động của Công ty	06
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	08
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	12
Sơ đồ Tổ chức	18
Cơ cấu Nhân sự	19
Hội đồng Quản trị	20
Ban Kiểm soát	22
Ban Điều hành	23
Thông tin Cổ đông và Quản trị Công ty	24
Báo cáo phụ cấp của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	25
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	28
Báo cáo Tài chính 2009	33
Báo cáo của Ban Giám đốc	34
Báo cáo Kiểm toán	38
Bảng cân đối Kế toán Hợp nhất	39
Báo cáo kết quả hoạt động Kinh doanh Hợp nhất	43
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất	44
Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất - Năm 2009	48



Kim ngạch XNK
tăng **14,12%**

Tổng Doanh Thu
tăng **23,02%**

Lợi nhuận sau thuế
tăng **82,83%**

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Chúng tôi luôn giám sát và chỉ đạo chặt chẽ Ban điều hành trong việc thực thi chiến lược công ty và các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng luôn chia sẻ, động viên tập thể lãnh đạo, người lao động của Công ty trong những lúc khó khăn.

Kính thưa toàn thể cổ đông GILIMEX

Chúng ta vừa trải qua năm đầu tiên của giai đoạn hậu khủng hoảng kinh tế và phải tiếp tục đương đầu với những thách thức mới trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chưa phục hồi hoàn toàn. Các thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Gilimex luôn nhận thức được trách nhiệm cao cả nhưng cũng rất nặng nề mà các cổ đông đã tin tưởng giao phó. Chúng tôi luôn giám sát và chỉ đạo chặt chẽ Ban điều hành trong việc thực thi chiến lược công ty và các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng luôn chia sẻ, động viên tập thể lãnh đạo, người lao động của Công ty trong những lúc khó khăn. Và chúng ta đã có được một hệ thống quản trị nội bộ mạnh, một đội ngũ cán bộ nhân viên đoàn kết, nhiệt tình và hiệu quả.

Năm 2009 là năm khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng nhưng cũng là lúc mở ra cơ hội lớn, Gilimex đã tận dụng được cơ hội này và thật may mắn là chúng ta đã đạt được kết quả kinh doanh ngoài mong đợi. Dựa trên nền tảng này chúng tôi xác định trong những năm tới tiếp tục phát triển Gilimex là một công ty kinh doanh đa ngành trong đó ngành may là ngành chủ lực. Bên cạnh đó cũng sẽ tập trung phát triển những lĩnh vực, những cơ hội mà Gilimex có thể mạnh như bất động sản, thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu. Đồng thời, chúng tôi đang tìm mọi cách để phát huy hiệu quả của những dự án mà Gilimex đã triển khai trong thời gian qua.

Năm 2010, Hội Đồng Quản Trị Gilimex xác định "Thay đổi để tạo ra cơ hội" nên sẽ có những quyết sách ứng phó phù hợp với diễn biến của thị trường để bảo toàn và phát triển tài sản của Quý cổ đông đã ủy thác và kỳ vọng vào Công ty.

Thay mặt HĐQT Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh XNK Bình Thạnh Gilimex, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông của công ty và đặc biệt là những cổ đông đã có mặt cùng chúng tôi từ những ngày đầu cổ phần hóa và vẫn tiếp tục ở lại cùng chúng tôi để đưa con tàu Gilimex đến bến bờ thành công, phấn đấu xây dựng Gilimex từ công ty tốt đến vĩ đại.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



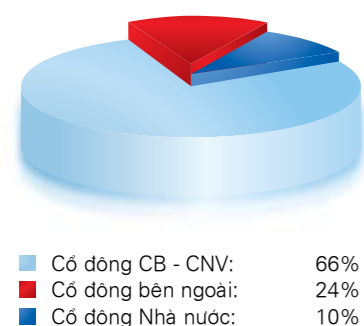
Nguyễn Băng Tâm



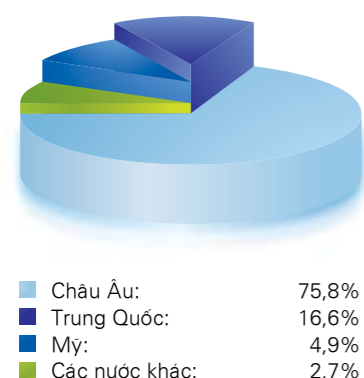
Lịch sử hoạt động của Công ty



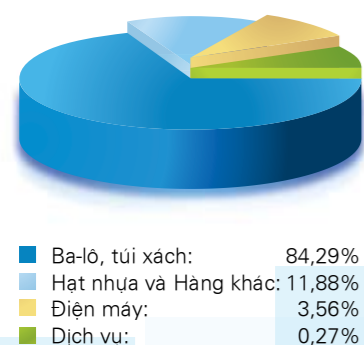
H1. Cơ cấu vốn Cổ đông



H2. Kim ngạch xuất nhập khẩu



H3. Tỷ trọng doanh thu năm 2009



1. Những sự kiện quan trọng:

a. Việc Thành lập:

- Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh được thành lập theo Quyết định cổ phần hóa số 134/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ Tướng Chính phủ từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản Xuất Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Bình Thạnh có tiền thân là Công ty Cung ứng hàng xuất khẩu Quận Bình Thạnh được thành lập từ năm 1982 theo Quyết định số 39/QĐ-UB ngày 19/03/1982 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 27/12/2000, Công ty đã tiến hành Đại hội Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần với Vốn Điều lệ Ban đầu là 12 tỷ đồng, cơ cấu vốn cổ đông như sau: (H1)
- Ngày 29/12/2000, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 và Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2001.

b. Niêm yết:

- Ngày 02/01/2002, Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu thứ 11 được chính thức niêm yết giao dịch tại HoSE.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: GIL
- Mệnh giá: 10.000 đồng / cổ phiếu
- Số lượng niêm yết hiện nay: 10.219.818 cổ phiếu

c. Các sự kiện:

- Tháng 8/2001: Công ty nâng vốn Điều lệ lên 17 tỷ đồng
- Năm 2003: Vốn điều lệ của Công ty là 25,5 tỷ đồng
- Năm 2005: Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 45,5 tỷ đồng để thực hiện Dự án Cao ốc Văn phòng tại số 24C Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Tháng 9/2007, để thực hiện Dự án Xí nghiệp may Tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty đã huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lên thành 102.198.810.000 đồng.

2. Quá trình phát triển:

a. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác
- Nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử.
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ cầm đồ
- Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc
- Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

H4. Doanh thu



b. Các mốc phát triển:

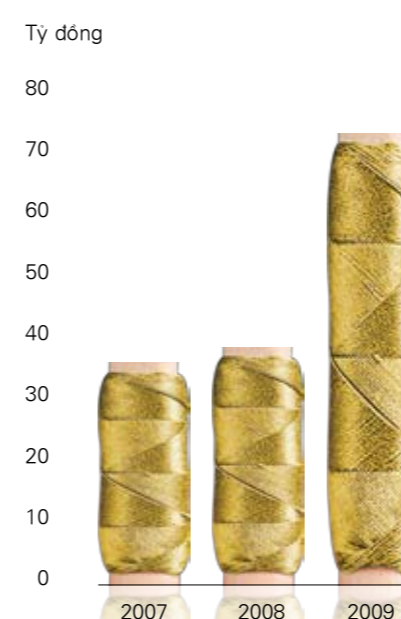
- Tháng 10/2006: Khởi công xây dựng Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP. HCM
- Tháng 10/2007: Khởi công xây dựng xí nghiệp may ba lô, túi xách tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tháng 8/2008: Xí nghiệp may Phú Mỹ hoạt động với tên Công ty TNHH một thành viên Thạnh Mỹ.
- Tháng 1/2010: Cao ốc văn phòng Gilimex Building đã hoàn thiện và được đưa vào khai thác.

c. Tình hình hoạt động:

- Hơn 25 năm thành lập và trưởng thành, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tục phát triển, mở rộng quy mô đầu tư xây dựng các cửa hàng, nhà xưởng với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2000 đã được chứng nhận và liên tục cải tiến nâng cao hiệu quả, tăng kim ngạch xuất nhập khẩu từ 2 triệu USD trong những năm đầu thành lập lên 38,4 triệu USD năm 2009 với thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng ra các nước như: (H2)
- Đến nay, GILIMEX đã khẳng định được vị trí của mình trước công chúng thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, là một trong những công ty niêm yết hoạt động có hiệu quả. Doanh thu và lợi nhuận của công ty qua các năm như sau: (H4-5)

Chi tiêu/năm	ĐVT	2007	2008	2009
Doanh thu	VNĐ	449.156.127.391	457.347.311.465	562.616.139.148
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	34.073.823.117	38.797.632.822	70.107.982.297

H5. Lợi nhuận trước thuế



3. Định hướng phát triển:

a. Các mục tiêu chủ yếu:

- Tập trung đầu tư, mở rộng ngành may, đa dạng hóa sản phẩm may, tăng kim ngạch xuất khẩu vào các thị trường tiềm năng như Mỹ, EU
- Đẩy mạnh giới thiệu sản phẩm ba lô, túi xách của Công ty, tăng doanh thu bán hàng trong nước.
- Đánh giá, sắp xếp lại nhân sự, thường xuyên soát xét cải tiến dây chuyền sản xuất giúp tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Ngành may vẫn là ngành chủ lực của GILIMEX, tiếp tục tập trung đầu tư và mở rộng quy mô khi Xí nghiệp may Thạnh Mỹ đi vào hoạt động ổn định và có hiệu quả, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm ngành này dự kiến đạt từ 20% đến 30%.
- Nghiên cứu xây dựng và phát triển bán sản phẩm ba lô, túi xách của Công ty tại thị trường nội địa với mục tiêu chiếm 40% doanh thu ngành may.
- Nghiên cứu đầu tư các dự án bất động sản với những mặt bằng hiện có của Công ty với mục tiêu sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

Với lợi thế cạnh tranh mạnh về tài chính, kinh nghiệm, năng lực, tiềm năng và bước đi vững chắc của mình Gilimex hy vọng sẽ tiếp tục mang đến cho quý cổ đông những giá trị mới tốt đẹp hơn.



1. Kết quả hoạt động trong năm:

- Năm 2009 mặc dù kinh tế thế giới còn khá ảm đạm nhưng cũng là năm Gilimex tiếp tục khẳng định sự phát triển bền vững của mình. Thành tích đáng kể Hội đồng quản trị công ty Gilimex thể hiện ở một số chỉ tiêu nổi bật sau:
 - Kim ngạch xuất nhập khẩu: 38.405.768 USD
 - Doanh thu sản xuất và thương mại: 562,6 tỷ đồng
 - Lợi nhuận sau thuế: 56,2 tỷ đồng
- Như vậy chúng ta đã đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu và mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông công ty Gilimex năm 2008 đã đề ra cho năm 2009.
- Tại Đại hội này chúng ta nhiệt liệt biểu dương tập thể những người lao động tại công ty Gilimex đã lao động hết sức cần cù và sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đã giao trong giai đoạn hậu khủng hoảng. Đại hội cũng xin kêu gọi tập thể CB-CNV tiếp tục đoàn kết, hợp tác, chung sức, chung lòng xây dựng Công ty Gilimex phát triển bền vững trong những năm sắp tới.
- Tuy vậy, cũng còn một số điều chúng ta làm chưa tốt, trong đó đáng kể nhất là dự án cao ốc văn phòng cho thuê của Gilimex. Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đã hoàn thành không đúng hạn và không đúng thời điểm nên chưa mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó dự án xí nghiệp may Gilimex Thanh Mỹ do không lường hết nguồn lao động khan hiếm nên đến nay Xí nghiệp May Gilimex Thanh Mỹ cũng chưa mang lại hiệu quả như chúng ta tính toán.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị đã tiến hành 9 (chín) phiên họp để quyết định các vấn đề chính sau:

- Chuẩn bị, tổ chức và triển khai thực hiện kết quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2008;
- Thông qua các báo cáo sản xuất kinh doanh hàng quý, bán niên, năm và các chỉ tiêu kế hoạch Quý, bán niên và năm;
- Thông qua kế hoạch đầu tư, phương án thiết kế... của các dự án.
- Thông qua phương án tạm ứng cổ tức, dự kiến chia cổ tức năm;
- Thông qua KH Đại hội đồng cổ đông bất thường lấy ý kiến bằng văn bản về việc di dời trụ sở làm việc và sửa đổi điều lệ công ty;
- Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường.

3. Công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý:

Hiện có 3 (ba) trong số 6 (sáu) thành viên của Hội đồng quản trị tham gia điều hành trong Công ty vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Cụ thể:

- Hàng quý Ban Tổng giám đốc đều có báo cáo để Hội đồng quản trị nắm rõ diễn biến các hoạt động của Công ty và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.
- Tham gia họp với Ban Tổng giám đốc và các đối tác có liên quan khi có các vấn đề quan trọng trong kinh doanh, đầu tư...
- Tham gia ý kiến hoặc chỉ đạo trực tiếp đối với các vấn đề phát sinh quan trọng hoặc đột xuất.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy:

a. Về quản lý sản xuất kinh doanh:

- Ban Tổng giám đốc kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty và thích ứng với những diễn biến của thị trường Ban Tổng giám đốc cần năng động và hiệu quả hơn.
- Đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty có khả năng nắm bắt và thích nghi với hoạt động kinh tế thị trường, điều hành và quản lý kinh doanh hiệu quả

b. Về quản lý tài chính:

- Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát Công ty.
- Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh hiệu quả.

Dánh giá chung: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra. Tình hình kinh doanh ổn định và phát triển, tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế được duy trì. Công tác quản lý chặt chẽ, hiệu quả, vốn được bảo toàn và phát triển.

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2010:

- Tập trung đầu tư theo chiều sâu và trang bị các máy chuyên dụng cho ngành may, tích cực tìm giải pháp hiệu quả trong việc tuyển dụng đủ công nhân lao động cho XN May Thạnh Mỹ.
- Tích cực tìm đối tác mới kinh doanh hàng nhập khẩu nguyên vật tư, đồng thời tập trung triển khai có hiệu quả cao ốc văn phòng cho thuê Gilimex, thực hiện nhanh hồ sơ các dự án Chung cư cao tầng Bình Triệu và 2 dự án Bình Quới đưa vào khai thác, làm thủ tục xin định giá và mua lại một số mặt bằng nhà đất công ty đang thuê của nhà nước.
- Phát triển thương hiệu Gilimex tại thị trường trong nước cũng như ngoài nước, thiết lập kênh phân phối ba lô, túi xách ở thị trường nội địa.
- Chú trọng việc đánh giá lại trình độ, năng lực của CBCNV đi đôi với chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển đủ nguồn nhân lực cho phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty.

- Tiếp tục cải tiến hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2000 tại 2 XN May Bình Thạnh và Gilimex Thạnh Mỹ, tìm nhiều giải pháp để vận hành có hiệu quả XN may Gilimex Thạnh Mỹ, kiểm soát chi phí, giám sát giá thành sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh nhằm:

- Đạt và vượt mức doanh thu 575,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt 55 tỷ đồng

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn 2010 - 2015:

- Mục tiêu chiến lược của Gilimex đến năm 2015 là trở thành công ty hàng đầu trong ngành sản xuất, xuất khẩu ba lô, túi xách kết hợp với dịch vụ và kinh doanh bất động sản như cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại, chung cư cao cấp. Do vậy nhiệm vụ chủ yếu phải:
 - Triển khai sản xuất có hiệu quả tại Xí nghiệp may Gilimex - Thạnh Mỹ để đến năm 2015 dự kiến doanh thu ngành may sẽ tăng 3 lần so với doanh thu hiện nay.
 - Đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D) đặc biệt là trong lĩnh vực thiết kế sản phẩm để sản phẩm mới chiếm 30% đến 50% doanh thu ngành may.
 - Triển khai dự án xây dựng và phát triển thương hiệu ba lô, túi xách của Gilimex tại thị trường có hơn 80 triệu dân trong nước mà chủ yếu là dân số trẻ.
 - Công ty tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ và quản trị chất lượng để gia tăng hiệu quả, đảm bảo chất lượng sản phẩm, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường xã hội làm phục vụ tốt nhất cho khách hàng và người lao động. Mạnh dạng tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực trẻ kể cả tuyển dụng chuyên gia nước ngoài có đủ năng lực để điều hành và vận hành hệ thống Gilimex đang lớn mạnh.
 - Nghiên cứu kinh doanh các ngành hàng, dịch vụ mà TP. HCM có tiềm năng phát triển. Trước mắt là khai thác tốt nhất cao ốc văn phòng cho thuê Gilimex Building để nâng cao hiệu quả và PR hình ảnh của Công ty.
 - Nhanh chóng khởi động lại hai dự án khu biệt thự vườn hoặc chung cư cao tầng tại Bình Quới vì Thành phố đã có quyết định giải tỏa quy hoạch treo tại khu vực Bình Quới.
 - Triển khai dự án Cao ốc trung tâm văn phòng, trung tâm thương mại và chung cư trên diện tích 4.200m² tại Bình Triệu
- Gilimex đạt được kết quả kinh doanh ngoài mong đợi của năm 2009. Nhưng trong thời gian tới Công ty cũng sẽ gặp nhiều khó khăn do các yếu tố vi mô và vĩ mô chưa ổn định, giai đoạn hậu khủng hoảng diễn biến như thế nào thì chúng ta chưa lường hết được. Tuy nhiên với lợi thế cạnh tranh mạnh về tài chính, kinh nghiệm, năng lực, tiềm năng và bước đi vững chắc của mình Gilimex hy vọng sẽ tiếp tục mang đến cho quý cổ đông những giá trị mới tốt đẹp hơn.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Bước qua năm 2010, tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, lạm phát vẫn còn tiềm ẩn, tuy nhiên, những thành quả đạt được của năm 2009 và những dự án đưa vào khai thác sẽ góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2010.



1. Tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty:

- Ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, năm 2009, với sự nỗ lực của Chính phủ thúc đẩy kinh tế từ những gói kích cầu bằng cách hỗ trợ lãi suất, thuế cho các doanh nghiệp đã từng bước đưa nền kinh tế trong nước dần ổn định, trong đó Công ty Gilimex với ngành sản xuất chính là may xuất khẩu cũng đã được hưởng nhiều ưu đãi, đồng thời Công ty cũng không ngừng cải tiến các quy trình, sáng tạo đổi mới trang thiết bị trong sản xuất, tiết kiệm chi phí, đã vượt qua những khó khăn để đạt được kế hoạch về doanh thu và vượt mức lợi nhuận mà đại hội cổ đông đã đề ra
- Lợi nhuận trước thuế đạt 70,1 tỷ đồng vượt 77,5% so với kế hoạch.

2. Báo cáo tình hình tài chính năm:

- Năm 2009, tuy đã giải ngân cho các dự án ở giai đoạn hoàn thiện, nhưng với chính sách linh hoạt trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn, công ty vẫn còn là một đơn vị mạnh về nguồn vốn và đã hoạt động một cách có hiệu quả trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế và được thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính, kết quả kinh doanh đến 31/12/2009 như sau:
- Khả năng sinh lời:
 - Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng Tài sản: 13,81%
 - Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần: 10,00%
 - Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu: 17,15%
- Khả năng thanh toán:
 - Khả năng thanh toán nhanh: 2,39 lần
 - Khả năng thanh toán hiện hành: 3,13 lần
- Giá trị sổ sách một cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2009: 34.674 VNĐ/Cp
- Những thay đổi về vốn cổ đông: Trong năm 2009, Vốn cổ đông của Công ty không thay đổi. Vốn Điều lệ hiện tại của Công ty đến ngày 31/12/2009 là 102.198.180.000VNĐ
- Cổ phiếu:
 - Tổng số cổ phiếu theo vốn điều lệ: 10.219.818 Cp
 - Trong đó: + Cổ phiếu phổ thông: 10.219.818 Cp
 - + Cổ phiếu loại khác: Không có
 - Mệnh giá 01 cổ phiếu: 10.000 VNĐ
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.839.818 Cp
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 380.000 Cp
- Cổ tức:
 - Năm 2009, Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Tỷ lệ trả cổ tức: 20% trên mệnh giá (2.000 VNĐ/Cp)

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009:

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009			Tăng / Giảm So với 2008
			Kế hoạch	Thực hiện	% Đạt KH	
Kim ngạch XNK	USD	33.655.090	40.000.000	38.405.768	96,01%	14,12%
Tổng Doanh Thu	VNĐ	457.347.311.465	561.700.000.000	562.616.139.148	100,16%	23,02%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	30.760.993.626	31.600.000.000	56.239.010.475	177,97%	82,83%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	VNĐ/Cp	3.049		5.503		

b. Các hệ số tài chính cơ bản:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
1. Cơ cấu Tài Sản			
Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	%	27,5	30,61
Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	%	72,5	69,39
2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	16,05	22,43
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	83,95	77,57

Nguyên nhân kim ngạch xuất nhập khẩu không đạt so với kế hoạch:

Do Xí nghiệp may Thanh Mỹ, công nhân may chủ yếu là lao động tại địa phương, tay nghề chưa cao, nên năng suất còn thấp, chưa đạt kế hoạch đề ra.

4. Những tiến bộ đã đạt được trong năm 2009:**Trong sản xuất kinh doanh:**

- Đổi mới cơ chế quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho việc mở rộng và phát triển quy mô sản xuất, đảm bảo giao hàng đúng hạn, nhất là đạt được chất lượng sản phẩm theo yêu cầu khách hàng.
- Cải tiến lại quy trình sản xuất, thực hiện tiết kiệm trong sản xuất, tăng hiệu quả sử dụng thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất như: Thực hiện Quy trình đóng gói tự động, sử dụng xe nâng hàng lên Container nhằm tiết kiệm sức lao động, trang bị đèn led tiết kiệm điện.
- Quản lý chặt chẽ từ khâu ký kết hợp đồng đến khâu cung ứng vật tư, định mức nguyên liệu hợp lý, đặc biệt là hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng.

Trong tổ chức quản lý, cơ cấu nguồn nhân lực:

- Sắp xếp, cơ cấu lại nguồn nhân lực theo hướng tinh giảm bộ phận gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp, hợp lý hóa các dây chuyền sản xuất cũng như các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.

Công tác chăm lo đời sống cho người lao động:

- Tập trung thực hiện việc nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV Công ty.
- Phát động phong trào thể thao, hội thi nhằm nâng cao sức khỏe, đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân.
- Luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, bảo hiểm, phúc lợi đối với người lao động, nâng cao thu nhập cho người lao động từ 2,8 triệu đồng/ người/ tháng năm 2008 lên 3,5 triệu đồng trong năm 2009

Trong đầu tư xây dựng:

- Dự án Xí nghiệp may Phú Mỹ: Đầu tư xong giai đoạn 1 của Dự án (01 Phân Xưởng may quy mô 800 máy may, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, nhà văn phòng, và các công trình phụ trợ như nhà để xe và nhà ăn, nhà vệ sinh cho công nhân) và đưa vào hoạt động sản xuất từ cuối năm 2008. Tuy nhiên, trong năm 2009, hoạt động của xí nghiệp chưa đạt cả về doanh thu lẫn hiệu quả như kế hoạch đề ra do không tuyển được lao động - chỉ có 200 lao động, lại là lao động tại địa phương, tay nghề chưa cao, tinh tổ chức kỷ luật thấp...
- Dự án Cao ốc văn phòng GILIMEX BUILDING: với quy mô 15 tầng (gồm 2 tầng hầm), đã hoàn thiện và đưa vào khai thác bắt đầu từ tháng 1/2010. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, nhu cầu thuê văn phòng giảm sút, trong khi đó nguồn cung ngày càng nhiều đã ảnh hưởng đến việc cho thuê của Cao ốc, hiện tỷ lệ cho thuê của Cao ốc chỉ đạt 30% diện tích thuê.

- Việc Quản lý tài chính: Trong việc sử dụng vốn, Công ty đã tận dụng những ưu thế hiện có của mình trước tình hình khó khăn chung cũng đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009.

Những nỗ lực trên, đã giúp Công ty vượt qua được những khó khăn của năm 2009 và đã mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty nhất là đã tạo được niềm tin, ổn định được tinh thần làm việc, tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty GILIMEX.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**▪ Kế hoạch phát triển trong năm 2010:**

Bước qua năm 2010, tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, lạm phát vẫn còn tiềm ẩn, tuy Chính phủ đã và đang triển khai những biện pháp để giữ ổn định kinh tế trong nước nhưng vẫn còn nhiều khó khăn và thử thách phía trước. Tuy nhiên, những thành quả đạt được của năm 2009, những dự án đưa vào khai thác sẽ góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2010.

▪ Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu như sau:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2009	Kế hoạch Năm 2010	Tăng / Giảm so với 2009
Kim ngạch XNK	USD	38.405.768	38.500.000	0,25%
Trong đó: Kim ngạch xuất khẩu	USD	26.517.873	26.000.000	-1,95%
Kim ngạch nhập khẩu	USD	11.887.895	12.500.000	5,15%
Tổng Doanh Thu	VNĐ	562.616.139.148	575.500.000.000	2,29%
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	70.107.982.297	55.000.000.000	-21,55%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	56.239.010.475	44.000.000.000	-21,76%

▪ Các biện pháp thực hiện:**- Trong sản xuất kinh doanh:**

- + Tiếp tục phát huy thế mạnh hiện có để tập trung đẩy mạnh ngành hàng chính của Công ty là may xuất khẩu hàng ba lô, túi xách...
- + Tiếp tục đào tạo tuyển dụng công nhân để đáp ứng nhu cầu sản xuất, hoàn chỉnh bộ máy quản lý, dây chuyền sản xuất, ổn định và nâng cao tay nghề công nhân, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Thanh Mỹ với mục tiêu doanh thu 6 triệu USD/năm 2010.
- + Cao ốc GILIMEX BUILDING: Tăng cường quảng bá tìm khách hàng thuê Cao ốc phần đầu đến tháng 6/2010, Cao ốc sẽ hoạt động khoảng 70% diện tích cho thuê.
- + Tiếp tục hoàn chỉnh dự án khả thi trên mặt bằng tại 78B Quốc lộ 13 để xin phép xây dựng chung cư cao tầng sớm đưa vào khai thác. Đồng thời, tiến hành lập dự án sử dụng các khu đất tại Bình Quới, Thanh Đa.

- Công tác tổ chức:


- + Sắp xếp, cơ cấu lại nguồn nhân lực theo hướng tinh giảm bộ phận gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp, hợp lý hóa các dây chuyền sản xuất cũng như các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Về Tài chính:

- + Tiếp tục sử dụng ưu thế được vay ngoại tệ với lãi suất ưu đãi của một Doanh nghiệp xuất khẩu, luân chuyển giữa tiền đồng và Đô La Mỹ để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Về quảng bá thương hiệu:

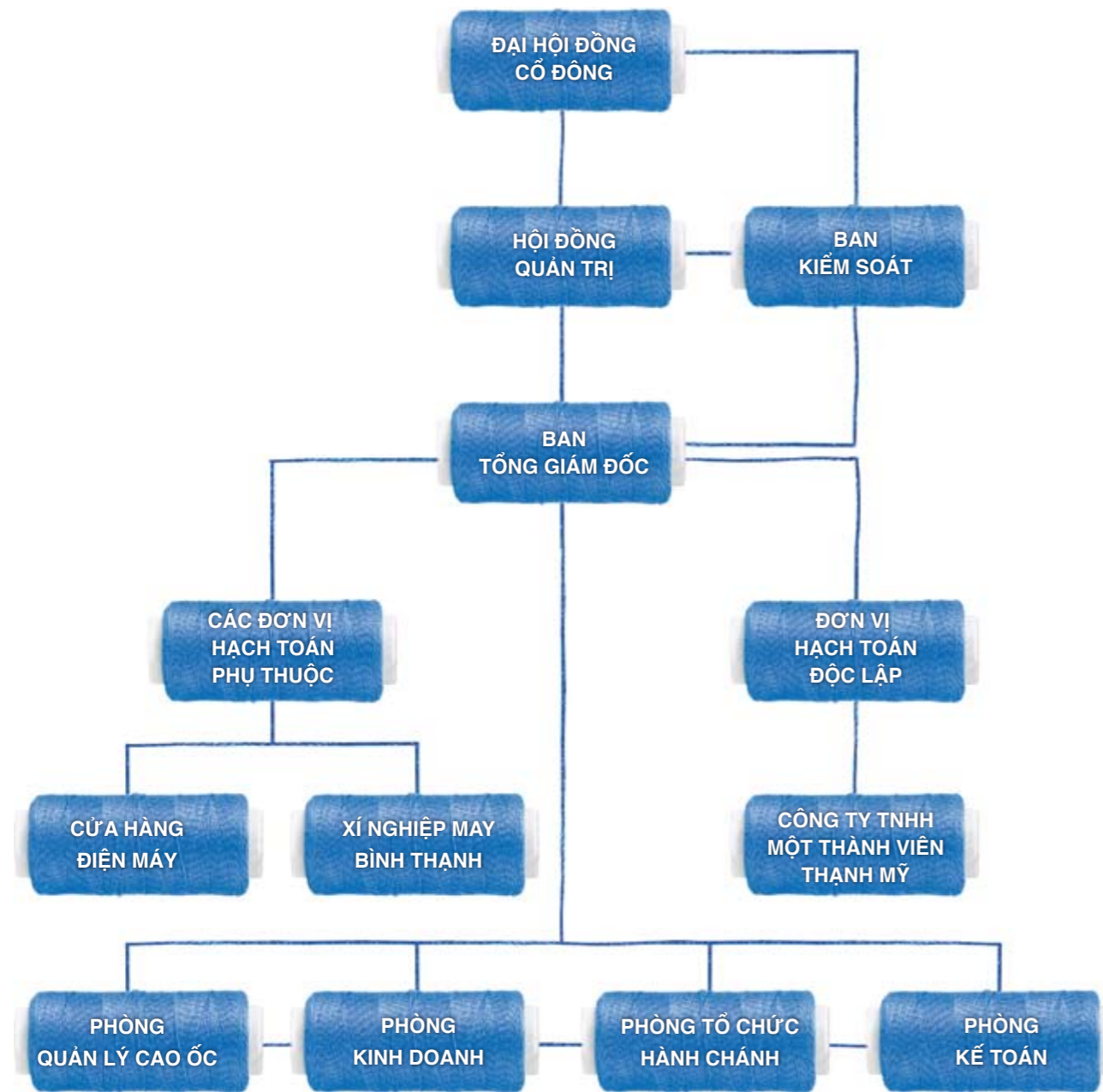
- + Đầu tư nghiên cứu thiết kế, quảng bá sản phẩm ba lô, túi xách Go-E của Công ty ở thị trường trong nước.



Tổng số cán bộ CNV
1.680
người

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là cải tiến hệ thống ISO 9001:2000, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại xí nghiệp sản xuất.

Sơ đồ Tổ chức



Cơ cấu Nhân sự

Tổng số Cán bộ CNV toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2009: 1.680

Phân theo trình độ:

- Đại học Cao đẳng trở lên 62 người tỷ lệ 3,69%
- Trung học Chuyên nghiệp 27 người tỷ lệ 1,61%
- Công nhân Kỹ thuật và trình độ khác 1.591 người tỷ lệ 94,7%

Phân theo phân công lao động:

- Cán bộ lãnh đạo quản lý 110 người tỷ lệ 6,55%
- Cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ 60 người tỷ lệ 3,57%
- Nhân viên phục vụ 31 người tỷ lệ 1,85%
- Công nhân các ngành nghề 1.479 người tỷ lệ 88,03%

a. Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, hiện nay Công ty đang sản xuất 1 ca/ ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và dài ngộ thoả đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong việc nâng cao hiệu suất lao động, khích lệ tinh thần làm việc của nhân viên, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật.
- Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thoả ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì

phong trào Văn - Thể - Mỹ. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

- Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trên cơ sở nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên tổ chức ngày 23/3/2007.

c. Chính sách đào tạo:

- Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là cải tiến hệ thống ISO 9001:2000, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại xí nghiệp sản xuất. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:
 - Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về chuyên môn, nghiệp vụ, nội quy lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, trách nhiệm quyền hạn được giao.
 - Đào tạo hàng năm: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

d. Công tác đoàn thể:

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm hao hụt nguyên phụ liệu, giá thành hợp lý, góp phần nâng cao thu nhập của người lao động.
- Đẩy mạnh các phong trào thể dục thể thao, PCCC, các hội thi cho CB-CNV để khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động.
- Xây dựng công đoàn cơ sở Công ty và Đảng Bộ công ty mạnh cả về chất và lượng, thực sự là trung tâm sinh hoạt chính trị của người lao động.

Hội đồng Quản trị



Ông PHAN QUANG ĐÀI
Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 08/03/1960
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Ông NGUYỄN GIA VINH
Phó Chủ tịch HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 06/08/1958
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật, Cao cấp chính trị.

Ông NGUYỄN BĂNG TÂM
Chủ tịch HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1952
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chính trị.

Bà PHAN THỊ NGỌC ANH
Phó Chủ tịch HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 28/08/1953
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương, cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh.

Ông LÊ VIỆT MỸ
Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 24/04/1947
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá học, Cử nhân kinh tế.

Ông PHẠM PHÚ HỮU
Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 04/12/1963
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh.

Ban Kiểm soát



Ông ĐÀO SỸ TRUNG
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1964
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh.

Ông VÔ VĂN HẢO
Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 27/03/1982
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

Ông NGUYỄN NAM THANH
Thành Viên Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 25/03/1978
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Tài chính kế toán.

Ban Điều hành



Ông NGUYỄN GIA VINH
Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 06/08/1958
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật, Cao cấp chính trị.

Bà NGUYỄN THỊ THU VÂN
Kế toán Trưởng

- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1958
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Tài chính kế toán.

Bà PHAN THỊ NGỌC ANH
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 28/08/1953
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương, cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh.

Ông LÊ HÙNG
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 24/08/1974
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Thông tin Cổ đông và Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Hội đồng quản trị:

- Hội Đồng Quản Trị của Công Ty GILIMEX có 6 thành viên, gồm một chủ tịch, hai phó chủ tịch và ba thành viên
- Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ tên	Chức Danh	Số cổ phiếu giữ đầu kỳ	Số cổ phiếu giữ đến 25/2/2010	Tỷ lệ % trên tổng vốn cổ phần
Nguyễn Băng Tâm	Chủ tịch HĐQT	265.183	265.183	2,595%
Nguyễn Gia Vinh	Phó chủ tịch HĐQT	42.005	42.005	0,411%
Phan Thị Ngọc Anh	Phó chủ tịch HĐQT	164.000	164.000	1,605%
Phạm Phú Hữu	Thành viên HĐQT	13.300	13.300	0,130%
Phan Quang Đài	Thành viên HĐQT	204.292	204.292	1,999%
Lê Viết Mỹ	Thành viên HĐQT	7.605	7.605	0,074%

b. Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm Soát của Công Ty GILIMEX có 3 thành viên, gồm một trưởng ban và hai thành viên
- Nhiệm kỳ: 5 năm.

Họ tên	Chức Danh	Số cổ phiếu giữ đầu kỳ 16/3/2009	Số cổ phiếu giữ đến 25/2/2010	Tỷ lệ % trên tổng vốn cổ phần
Vô Văn Hào	Trưởng BKS	1.500	1.500	0,015%
Nguyễn Nam Thanh	Thành viên BKS	1.000	1.000	0,010%
Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS	8.229	8.229	0,081%

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (đến 25/02/2010):

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (Có quyền biểu quyết) của công ty tại thời điểm 25/2/2010:

Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
QUỸ TẮM NHÌN SSI	Tầng 5, Tòa nhà 1C Ngô Quyền, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, HN	700.840	7.008.400.000	6,858%
CÔNG TY TÀI CHÍNH BƯU ĐIỆN	T15 Toà Nhà Ocean Park Số 1 Đào Duy Anh - HN	604.060	6.040.600.000	5,911%
PXP VIETNAM FUND LTD	6 th Floor, Opera View Building 161 Đồng Khởi, Q. 1, TP. HCM	550.000	5.500.000.000	5,382%
LIONGLOBAL VIETNAM FUND	20 Cecil Street #28-01 Equity Plaza Singapore 049705	523.650	5.236.500.000	5,124%
Tổng cộng		2.378.550	23.785.500.000	23,275%

▪ Cơ cấu cổ đông của Gilimex tại ngày 25/2/2010:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Tổ chức trong nước	43	2.165.390	21.653.900.000	21,188%
Cá nhân trong nước đã Lưu ký	1.771	4.954.137	49.541.370.000	48,476%
Cá nhân trong nước chưa Lưu ký	379	49.162	491.620.000	0,481%
Tổ chức nước ngoài	15	2.767.411	27.674.110.000	27,079%
Cá nhân nước ngoài	161	283.718	2.837.180.000	2,776%
Tổng cộng	2.369	10.219.818	102.198.180.000	100%

Báo cáo phụ cấp của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2009

1. Phụ cấp của HĐQT:

- Thực hiện trong năm là: 416.000.000 đồng

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Băng Tâm	104.000.000 đồng
- Phó Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Gia Vinh	78.000.000 đồng
- Phó Chủ tịch HĐQT	Bà Phan Thị Ngọc Anh	78.000.000 đồng
- Thành viên HĐQT	Ông Phạm Phú Hữu	52.000.000 đồng
- Thành viên HĐQT	Ông Phan Quang Đài	52.000.000 đồng
- Thành viên HĐQT	Ông Lê Viết Mỹ	52.000.000 đồng

2. Phụ cấp của Ban Kiểm Soát:

- Thực hiện trong năm là: 91.000.000 đồng

Trong đó:

- Trưởng Ban Kiểm soát	Ông Vô Văn Hào	39.000.000 đồng
- Thành viên Ban Kiểm soát	Ông Đào Sỹ Trung	26.000.000 đồng
- Thành viên Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Nam Thanh	26.000.000 đồng

3. Lương Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Gia Vinh	183.997.000 đồng
-----------------	---------------------	------------------



Lợi nhuận
trước
thuế đạt

70,1 tỷ đồng

Năm 2010, Hội đồng Quản trị Gilimex xác định “Thay đổi để tạo ra cơ hội” nên sẽ có những quyết sách ứng phó phù hợp với diễn biến của thị trường để bảo toàn và phát triển tài sản của Quý cổ đông đã ủy thác và kỳ vọng vào Công ty.

Báo cáo của Ban Kiểm soát



1. Đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009:

- Trong năm 2009, công tác điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ Công ty. Không có trường hợp vi phạm điều lệ và nghị quyết đại hội đồng cổ đông đưa ra.

a. Những thuận lợi:

- Tài chính công ty vững mạnh đảm bảo dự trữ nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ổn định được nguồn lao động không xảy ra gián đoạn sản xuất mặc dù kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn.
- Thương hiệu của công ty trên thị trường quốc tế lớn mạnh nên khách hàng của công ty ổn định.
- Năm 2009 chính phủ hai lần điều chỉnh tỷ giá tăng 5,7% và nếu cộng của lần điều chỉnh ngày 24/12/2008 3% nữa thì tỷ giá đã tăng 8,7% đã làm cho doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng lên.
- Chính sách hỗ trợ lãi suất của chính phủ làm cho chi phí tài chính của công ty giảm xuống góp phần gia tăng lợi nhuận để ra.
- Thị trường chứng khoán phục hồi đã phần nào giúp cho các công ty đầu tư tài chính được hoàn nhập những khoản trích dự phòng của năm 2008. Đối với công ty thì đã hoàn nhập được 4,6 tỷ đồng.

b. Những khó khăn:

- Khó khăn lớn nhất mà công ty gặp phải là dự án Thạnh Mỹ đã đưa vào khai thác tháng 8/2008 nhưng đến nay tuyển dụng được chưa đầy 200 công nhân trong khi kế hoạch đặt ra là 1000 công nhân và doanh thu là 600 tỷ đồng/năm.
- Dự án 24C Phan Đăng Lưu hoàn thành chậm tiến độ đồng thời đến khi hoàn thành thì tình hình văn phòng cho thuê gặp nhiều khó khăn: diện tích văn phòng cho thuê tăng lên, khách hàng thuê ít do khủng hoảng kinh tế và giá cho thuê giảm dẫn đến tình trạng cạnh tranh rất lớn trong lĩnh vực này.
- Nhân sự công ty còn thiếu đặc biệt là cấp quản lý trung gian nên dẫn tới chưa khai thác được hết hiệu quả các dự án mà công ty đã đầu tư.

2. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009

Kết quả kinh doanh:

STT	Chi tiêu	Thực hiện 2009		Kế hoạch 2009		Thực hiện 2008		So sánh	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DT	Giá trị	Tỷ trọng/ DT	Giá trị	Tỷ trọng/ DT	% KH	% cùng kỳ
1	Doanh thu	562.629.064.603	100,00%	561.700.000.000	457.454.766.011	100,00%	100,2%	122,99%	
2	Các khoản giảm trừ	12.925.455	0,00%		107.454.546	0,02%		12,03%	
3	Doanh thu thuần	562.616.139.148	100,00%		457.347.311.465	99,98%		123,02%	
4	Giá vốn hàng bán	468.198.923.369	83,22%		401.644.006.779	87,80%		116,57%	
5	Lợi nhuận gộp	94.417.215.779	16,78%		55.703.304.686	12,18%		169,50%	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	13.021.849.597	2,31%		22.304.170.603	4,88%		58,38%	
7	Chi phí tài chính	4.359.153.483	0,77%		12.276.636.921	2,68%		35,51%	
	Trong đó: chi phí lãi vay	1.992.278.010	0,35%		3.057.433.850	0,67%		65,16%	
8	Chi phí bán hàng	15.142.308.654	2,69%		13.288.890.991	2,90%		113,95%	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.974.320.805	3,37%		14.192.943.539	3,10%		133,69%	
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	68.963.282.434	12,26%		38.249.003.838	8,36%		180,30%	
11	Thu nhập khác	2.677.087.539	0,48%		1.170.820.725	0,26%		228,65%	
12	Chi phí khác	1.532.387.676	0,27%		622.191.741	0,14%		246,29%	
13	Lợi nhuận khác	1.144.699.863	0,20%		548.628.984	0,12%		208,65%	
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	70.107.982.297	12,46%		38.797.632.822	8,48%		180,70%	
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.868.971.822	2,47%		8.036.639.196	1,76%		172,57%	
16	Lợi nhuận sau thuế	56.239.010.475	10,00%	31.600.000.000	30.760.993.626	6,72%	178,0%	182,83%	

Doanh thu đạt 100,2% so với kế hoạch và tăng 22,99% so với năm 2008

Lợi nhuận sau thuế đạt 178% so với kế hoạch và tăng 82,83% so với năm 2008.

3. Báo cáo tài chính năm 2009 và giải trình 1 số chỉ tiêu nhạy cảm trong báo cáo tài chính:

a. Báo cáo tài chính:

STT	Chi tiêu	31.12.2009		31.12.2008	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	TÀI SẢN				
A	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	305.211.298.672	69,39%	271.744.589.481	72,50%
1	Tiền	33.701.291.267	7,66%	38.805.053.642	10,35%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.781.049.683	29,73%	48.912.505.300	13,05%
3	Các khoản phải thu	68.114.679.325	15,49%	97.136.922.288	25,92%
4	Hàng tồn kho	52.332.532.935	11,90%	68.339.378.458	18,23%
5	Đầu tư ngắn hạn khác	20.281.745.462	4,61%	18.550.729.793	4,95%
B	TS cố định và đầu tư dài hạn khác	134.633.455.938	30,61%	103.079.035.530	27,50%
1	TS cố định	47.243.535.571	10,74%	35.600.005.702	9,50%
2	Đầu tư TC dài hạn	5.741.578.152	1,31%	5.741.578.152	1,53%
3	Chi phí XDCBDD	77.708.586.292	17,67%	58.671.380.635	15,65%
4	Đầu tư dài hạn khác	3.939.755.923	0,90%	3.066.071.041	0,82%
	TC Tài sản	439.844.754.610	100,00%	374.823.625.011	100,00%
II	NGUỒN VỐN				
A	Nợ phải trả	98.659.468.016	22,43%	60.155.668.798	16,05%
1	Nợ ngắn hạn	97.350.086.602	22,13%	58.846.287.384	15,70%
2	Nợ dài hạn	1.309.381.414	0,30%	1.309.381.414	0,35%
B	Vốn chủ sở hữu	341.185.286.594	77,57%	314.667.956.213	83,95%
1	Vốn chủ sở hữu	337.956.410.703	76,84%	312.319.477.776	83,32%
	Trong đó vốn điều lệ	102.198.180.000	23,24%	102.198.180.000	27,27%
2	Nguồn kinh phí quỹ khác	3.228.875.891	0,73%	2.348.478.437	0,63%
	Tổng cộng Nguồn vốn	439.844.754.610	100,00%	374.823.625.011	100,00%

b. Đánh giá báo cáo Tài chính:

▪ Về thực hiện chế độ kế toán quy định:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp đường thẳng. Áp dụng thời gian hữu dụng đúng trong khung được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

▪ Đánh giá báo cáo tài chính qua các hệ số:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Kết quả
I	Khả năng sinh lợi		
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh thu thuần	%	10,0%
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	17,15%
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	%	13,81%
II	Khả năng thanh toán		
1	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,13
2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,39
III	Hiệu quả hoạt động		
1	Vòng quay khoản phải thu	lần	6,81
2	Vòng quay hàng tồn kho	lần	7,76
3	Vòng quay tài sản cố định	lần	14
4	Vòng quay tổng tài sản	lần	1,38
IV	Cơ cấu vốn		
1	Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	22,43%
2	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	%	28,92%
3	Khả năng thanh toán lãi vay	lần	36,2

c. Giải trình một số chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị VND	
1	Đầu tư ngắn hạn	128.190.152.683	Gửi ngân hàng và cho TCT Bến Thành vay 23 tỷ
2	XDCB dở dang	77.708.586.292	Cao ốc văn phòng, công trình phường 28 và Công trình Phú Mỹ
3	Đầu tư dài hạn khác	5.721.578.152	Trái phiếu và dự án phường 28 Bình Thạnh

4. Đánh giá và kiến nghị của Ban kiểm soát:

a. Đánh giá:

- Doanh thu vượt 0,2% so với kế hoạch và tăng gần 23% so với 2008 nhưng lợi nhuận vượt kế hoạch 78% và tăng 82,83% so với năm 2008 nguyên nhân là do công ty đã chủ động trong việc ứng phó với tình hình, tiết giảm chi phí giá vốn hàng bán, chính phủ điều chỉnh tỷ giá tăng 8.7% và thu nhập hoạt động tài chính tăng.
- Các dự án đầu tư chậm tiến độ - dự án 24C Phan Đăng Lưu chưa đưa vào hoạt động kịp thời do giá nguyên liệu tăng cao, công ty mất nhiều thời gian đàm phán lại với nhà thầu.
- Dự án Thạnh Mỹ đã đưa vào khai thác vào tháng 8/2008 nhưng vừa thiếu lao động, lao động chưa lành nghề và chủ yếu là công nhân địa phương nên năng suất và hiệu quả thấp chưa đạt kế hoạch đề ra.

b. Kiến nghị của Ban Kiểm Soát:

- Tăng cường quản lý rủi ro trong công ty cụ thể như sau:
 - Xây dựng mới và hoàn thiện các quy chế, các quy trình, thủ tục hoạt động của Công ty cho phù hợp với quy mô và môi trường kinh doanh hiện nay đơn cử như quy chế đấu thầu, chào giá cạnh tranh trong việc cung ứng vật tư nguyên phụ liệu.
 - Nâng cao công tác tài chính, phân tích báo cáo tài chính hàng quý và xem xét việc lập báo cáo tài chính hàng tháng để công bố thông tin kịp thời và đưa ra giải pháp phù hợp trong môi trường tài chính có quá nhiều tin đồn.
- Khai thác có hiệu quả các dự án đã đầu tư bởi vì năm 2009 các công trình đầu tư đã hoàn thành nên chi phí khấu hao sẽ tăng lên trong năm 2010.
- Nâng cao hơn nữa việc sử dụng nguồn vốn của công ty đặc biệt là sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi.
- Xây dựng phương án và giải pháp phát triển thị trường nội địa mặt hàng ba lô và túi xách.
- Tăng cường công tác đào tạo và tuyển dụng nhân sự chất lượng cao để phục vụ cho việc điều hành sản xuất và các dự án đầu tư mới.

Trưởng Ban Kiểm soát
Võ Văn Hào



Báo cáo của Ban Giám đốc



Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty:

- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX).
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000253 ngày 29/12/2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 02/12/2005 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác. Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.
- Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 102.198.180.000 VNĐ.
- Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ số 370 Bạch Đằng, P.14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổng số các công ty con: 1 công ty con.
- Tổng số các công ty con được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Gilimex Thạnh Mỹ
- Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Kết quả hoạt động:

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 56.239.010.475 VNĐ (Năm 2008 lợi nhuận sau thuế là 30.760.993.626 VNĐ).
- Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 63.439.975.248 VNĐ (Năm 2008 lợi nhuận chưa phân phối là 32.793.226.726 VNĐ).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

- Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

- | | |
|--|---|
| ▪ Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm: | ▪ Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm: |
| - Ông: Nguyễn Băng Tâm - Chủ tịch | - Ông: Nguyễn Gia Vinh - Tổng Giám đốc |
| - Ông: Nguyễn Gia Vinh - Phó Chủ tịch | - Bà: Phan Thị Ngọc Anh - Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà: Phan Thị Ngọc Anh - Phó Chủ tịch | ▪ Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm: |
| - Ông: Phan Quang Đài - Thành viên | - Ông: Võ Văn Hào - Trưởng BKS |
| - Ông: Lê Viết Mỹ - Thành viên | - Ông: Nguyễn Nam Thanh - Thành viên BKS |
| - Ông: Phạm Phú Hữu - Thành viên | - Ông: Đào Sỹ Trung - Thành viên BKS |

Kiểm toán viên

- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:
 - Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
 - Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
 - Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
 - Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
 - Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.
- Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.
- Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

- Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

- Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

TP. HCM, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Băng Tâm

TP. HCM, ngày 04 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Nguyễn Gia Vinh

Lợi nhuận
sau thuế
đạt

56,2
tỷ đồng

Điểm thành công nhất của Công ty trong năm 2009 là đảm bảo đủ nguồn vốn, dự trữ nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định được nguồn lao động, không để xảy ra gián đoạn sản xuất trước những diễn biến phức tạp về tình hình tài chính.

Quý dự phòng tài chính: 5.066.560.025

Quý đầu tư phát triển: 22.254.746.850

Lợi nhuận chưa phân phối: 63.439.975.248

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 102.198.180.000

Thặng dư vốn cổ phần: 153.910.785.047

Vốn chủ sở hữu: 337.956.410.703

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2009 của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh - GILIMEX

Kính gửi:

- Các cổ đông Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh - GILIMEX
- Hội đồng Quản trị Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh - GILIMEX
- Ban Giám đốc Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh - GILIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh được lập ngày 04/02/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 39 đến trang 64 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận, nếu có), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Đỗ Khắc Thanh

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Dương Thị Quỳnh Hoa

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		305.211.298.672	271.744.589.481
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	33.701.291.267	38.805.053.642
1. Tiền	111		33.701.291.267	38.805.053.642
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	130.781.049.683	48.912.505.300
1. Đầu tư ngắn hạn	121		131.322.101.983	54.084.229.300
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(541.052.300)	(5.171.724.000)
III. Các khoản phải thu	130		68.114.679.325	97.136.922.288
1. Phải thu khách hàng	131		42.581.163.542	57.564.789.940
2. Trả trước cho người bán	132		27.273.828.841	39.224.401.546
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	634.788.442	1.192.753.254
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2.375.101.500)	(845.022.452)
IV. Hàng tồn kho	140	4	52.332.532.935	68.339.378.458
1. Hàng tồn kho	141		52.332.532.935	68.339.378.458
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.281.745.462	18.550.729.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.691.141.749	13.165.679.032
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.590.603.713	5.385.050.761

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		134.633.455.938	103.079.035.530
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		124.952.121.863	94.271.386.337
1. Tài sản cố định hữu hình	221		32.774.748.991	20.832.636.070
▪ Nguyên giá	222	5	52.675.054.542	37.040.328.071
▪ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.900.305.551)	(16.207.692.001)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
▪ Nguyên giá	225		-	-
▪ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	14.468.786.580	14.767.369.632
▪ Nguyên giá	228		14.767.369.632	14.767.369.632
▪ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(298.583.052)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	77.708.586.292	58.671.380.635
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
▪ Nguyên giá	241		-	-
▪ Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.741.578.152	5.741.578.152
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000	20.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8	5.721.578.152	5.721.578.152
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.939.755.923	3.066.071.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.939.755.923	3.066.071.041
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		439.844.754.610	374.823.625.011
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		98.659.468.016	60.155.668.798

I. Nợ ngắn hạn	310		97.350.086.602	58.846.287.384
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	49.329.779.906	16.123.364.631
2. Phải trả người bán	312		22.493.172.153	30.824.032.012
3. Người mua trả tiền trước	313		4.433.514.974	2.372.000.697
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	11.275.888.931	2.910.558.080
5. Phải trả công nhân viên	315		3.752.288.994	1.893.262.935
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	6.065.441.644	4.723.069.029
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.309.381.414	1.309.381.414
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.309.381.414	1.309.381.414
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	13	341.185.286.594	314.667.956.213
I. Vốn chủ sở hữu	410		337.956.410.703	312.319.477.776
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		102.198.180.000	102.198.180.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.910.785.047	153.910.785.047
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.871.875.000)	(3.288.801.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.041.961.467)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.254.746.850	22.254.746.850
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.066.560.025	4.451.340.153
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		63.439.975.248	32.793.226.726
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		3.228.875.891	2.348.478.437
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		3.228.875.891	2.348.478.437
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		439.844.754.610	374.823.625.011

Các chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất

Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
Ngoại tệ các loại			
▪ USD		1.608.801,49	1.312.423,00
▪ EUR		2,58	2,58

Người lập biểu
Đã ký



Nguyễn Quang Đức

Kế Toán Trưởng
Đã ký



Nguyễn Thị Thu Vân

Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010
Tổng Giám Đốc
Đã ký



Nguyễn Gia Vinh

Báo cáo kết quả hoạt động Kinh doanh Hợp nhất

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	
		Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.1	562.629.064.603	457.454.766.011
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		12.925.455	107.454.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		562.616.139.148	457.347.311.465
4. Giá vốn hàng bán	15	468.198.923.369	401.644.006.779
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.417.215.779	55.703.304.686
6. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	13.021.849.597	22.304.170.603
7. Chi phí tài chính	16	4.359.153.483	12.276.636.921
Trong đó: chi phí lãi vay		1.992.278.010	3.057.433.850
8. Chi phí bán hàng		15.142.308.654	13.288.890.991
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		18.974.320.805	14.192.943.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		68.963.282.434	38.249.003.838
11. Thu nhập khác		2.677.087.539	1.170.820.725
12. Chi phí khác		1.532.387.676	622.191.741
13. Lợi nhuận khác		1.144.699.863	548.628.984
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		70.107.982.297	38.797.632.822
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	13.868.971.822	8.036.639.196
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		56.239.010.475	30.760.993.626
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		5.812	3.049

Người lập biểu
Đã ký



Nguyễn Quang Đức

Kế Toán Trưởng
Đã ký



Nguyễn Thị Thu Vân

Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010
Tổng Giám Đốc
Đã ký



Nguyễn Gia Vinh

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp) Năm 2009

Chi tiêu	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	70.107.982.297	38.797.632.822
2. Điều chỉnh cho các khoản	(3.061.534.964)	(7.381.405.007)
▪ Khấu hao tài sản cố định	4.017.482.102	3.032.350.891
▪ Các khoản dự phòng	(3.100.592.652)	5.171.724.000
▪ (Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(1.234.304.569)	(980.602.693)
▪ (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	(4.736.397.855)	(17.662.311.055)
▪ Chi phí lãi vay	1.992.278.010	3.057.433.850
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	67.046.447.333	31.416.227.815
▪ (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	18.845.301.577	(24.930.409.397)
▪ (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	16.006.845.523	(28.787.757.884)
▪ (Tăng)/ giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	(8.537.420.190)	32.774.862.842
▪ (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	(873.684.882)	(1.521.163.389)
▪ Tiền lãi vay đã trả	(1.992.278.010)	(3.057.433.850)
▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.511.358.066)	(11.155.000.133)
▪ Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	8.897.603.657	2.553.434.292
▪ Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(3.378.239.883)	(7.071.458.442)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	90.503.217.059	(9.778.698.146)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(34.866.222.270)	(71.054.079.527)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	143.488.002	822.626.878
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(270.848.152.683)	(179.258.725.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	193.610.280.000	322.322.862.367
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.977.277.855	17.638.501.531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(103.983.329.096)	90.471.186.249

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(4.583.074.000)	(3.288.801.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	157.741.716.172	83.076.161.014
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(124.535.300.897)	(93.338.800.169)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(19.762.696.000)	(41.583.369.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	8.860.645.275	(55.134.809.955)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(4.619.466.762)	25.557.678.148
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	38.805.053.642	13.289.864.283
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(484.295.613)	(42.488.789)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	33.701.291.267	38.805.053.642

Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu
Đã ký



Nguyễn Quang Đức

Kế Toán Trưởng
Đã ký



Nguyễn Thị Thu Vân

Tổng Giám Đốc
Đã ký



Nguyễn Gia Vinh



Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp nhất - Năm 2009

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển công ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công ty Cổ Phần
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000253 ngày 29/12/2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 02/12/2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 102.198.180.000 VNĐ.
- Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ số 370 Bạch Đằng, P. 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tổng số các công ty con: 1 công ty con.
- Tổng số các công ty con được hợp nhất: 1 công ty.
- Công ty con được hợp nhất: Công ty TNHH May Thạnh Mỹ
 - + Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyển biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất công nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác. Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty:

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

a. Chế độ kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

c. Hình thức kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng:

a. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

▪ Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

- + Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

▪ Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

- + Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu

hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

- + Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

b. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại
- Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

c. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

- Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:
 - Nhà cửa, vật kiến trúc: 08 - 25 năm
 - Phương tiện vận tải: 04 - 07 năm
 - Máy móc, thiết bị: 07 - 10 năm
 - Thiết bị văn phòng: 03 - 06 năm

e. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và chuẩn mực số 08 "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh").
- Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:
 - Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

f. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

g. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

h. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

i. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

- Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
 - Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

j. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

k. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
 - Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.
- Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

l. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

m. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
Tiền mặt	1.684.232.446	2.285.171.684
Tiền gửi ngân hàng	32.017.058.821	36.519.881.958
Tiền gửi VND	3.150.757.748	14.238.818.366
Ngân hàng Công Thương Chi nhánh 7	2.369.396.179	13.577.885.025
Vietcom Bank - CN TP. HCM	56.390.220	21.325.063
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT	41.290.336	40.054.136
Trung tâm giao dịch chứng khoán - Ngân hàng NNo&PTNT	4.031.533	3.934.480
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN NKKN	-	1.906.101
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Định	460.220.854	518.559.221
Ngân hàng HSBC	69.907.108	73.416.952
Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Tân Bình	10.859.157	1.737.388
Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Gia Định	500.000	-
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam	138.162.361	-
Tiền gửi ngoại tệ	28.866.301.073	22.281.063.592
Ngân hàng Công thương Chi nhánh 7 (USD)	27.366.894.250	21.029.644.692
Ngân hàng Công thương Chi nhánh 7 (EURO)	72.610	59.170
Vietcom Bank - CN TP. HCM (USD)	105.676.616	21.961.447
Ngân hàng Công thương VN (USD)	2.720.932	2.574.732
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT (USD)	309.709.921	291.182.713
Ngân hàng TMCP Phương Nam (USD)	-	42.034.033
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Gia Định (USD)	118.513.043	11.940.094
Ngân hàng HSBC (USD)	930.743.377	881.666.711
Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Tân Bình (USD)	31.970.324	-

Ghi chú

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2009 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng

Tổng cộng **33.701.291.267** **38.805.053.642**

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.131.949.300	10.084.229.300
▪ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)		-
▪ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)	3.131.949.300	10.084.229.300
Trong đó:		
▪ Công ty CP Bệnh viện da khoa tư nhân Triều An	2.250.000.000	2.250.000.000
▪ Công ty CP Mía đường Bourbon Tây Ninh	-	5.012.500.000
▪ Công ty CP Phân Đạm và Hóa Chất Dầu Khí	54.944.000	274.724.000
▪ Công ty CP Kỹ Nghệ Đô Thành	730.000.000	2.450.000.000
▪ Vietcom Bank	97.005.300	97.005.300
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)	105.190.152.683	44.000.000.000
Trong đó:		
▪ Ngân hàng Công Thương Việt Nam	56.190.152.683	38.000.000.000
▪ Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định	9.000.000.000	6.000.000.000
▪ Ngân hàng Hàng Hải	10.000.000.000	-
▪ Cty CP CK Phương Đông	10.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định	20.000.000.000	-
2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)	23.000.000.000	-
Trong đó:		
▪ Tổng công ty Bến Thành	23.000.000.000	-
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)	(541.052.300)	(5.171.724.000)
▪ Cổ phiếu Công ty CP Phân Đạm và Hóa Chất Dầu Khí	(20.944.000)	(1.757.000.000)
▪ Cổ phiếu Công ty CP Kỹ Nghệ Đô Thành	(467.800.000)	(3.312.500.000)
▪ Cổ phiếu Công ty CP Mía đường Bourbon Tây Ninh	-	(102.224.000)
▪ Vietcom Bank	(52.308.300)	-
Tổng cộng	130.781.049.683	48.912.505.300

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
	634.788.442	1.192.753.254
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	634.788.442	1.192.753.254

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Giá gốc của hàng tồn kho		
▪ Hàng mua đang đi đường	-	-
▪ Nguyên liệu, vật liệu	36.699.420.018	43.899.588.872
▪ Công cụ, dụng cụ	1.150.378.514	992.158.612
▪ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.632.542.252	7.856.941.848
▪ Thành phẩm	12.665.336.256	8.087.487.133
▪ Hàng hoá	87.292.867	7.453.173.662
▪ Hàng gửi đi bán	97.563.028	50.028.331
▪ Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
▪ Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	52.332.532.935	68.339.378.458

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	16.474.986.387	14.224.242.050	4.940.975.435	1.400.124.199	37.040.328.071
2. Số tăng trong năm	14.783.125.012	885.245.169	-	55.311.610	15.723.681.791
Bao gồm:					
▪ Mua trong năm	-	885.245.169	-	55.311.610	940.556.779
▪ Đầu tư XDCN hoàn thành	14.783.125.012	-	-	-	14.783.125.012
▪ Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	88.955.320	-	-	88.955.320
Bao gồm:					
▪ Thanh lý, nhượng bán	-	88.955.320	-	-	88.955.320
▪ Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	31.258.111.399	15.020.531.899	4.940.975.435	1.455.435.809	52.675.054.542
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	8.567.002.904	5.025.746.405	1.767.319.269	847.623.423	16.207.692.001
2. Khấu hao trong năm	1.027.450.727	1.854.456.452	628.055.882	208.935.989	3.718.899.050
Bao gồm:					
▪ Khấu hao tăng trong năm	1.027.450.727	1.854.456.452	628.055.882	208.935.989	3.718.899.050
▪ Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	26.285.500	-	-	26.285.500
Bao gồm:					
▪ Thanh lý, nhượng bán	-	26.285.500	-	-	26.285.500
▪ Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	9.594.453.631	6.853.917.357	2.395.375.151	1.056.559.412	19.900.305.551
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	7.907.983.483	9.198.495.645	3.173.656.166	552.500.776	20.832.636.070
2. Tại ngày cuối năm	21.663.657.768	8.166.614.542	2.545.600.284	398.876.397	32.774.748.991

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số dư đầu năm	14.767.369.632					14.767.369.632
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
▪ Mua trong năm						-
▪ Tăng khác						-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
▪ Thanh lý, nhượng bán						-
4. Số dư cuối năm	14.767.369.632	-	-	-	-	14.767.369.632
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm						-
2. Khấu hao trong năm	298.583.052	-	-	-	-	298.583.052
Bao gồm:						
▪ Khấu hao tăng trong năm	298.583.052					298.583.052
▪ Tăng khác						-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
▪ Thanh lý nhượng bán						-
▪ Giảm khác						-
4. Số dư cuối năm	298.583.052	-	-	-	-	298.583.052
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
1. Tại ngày đầu năm	14.767.369.632	-	-	-	-	14.767.369.632
2. Tại ngày cuối năm	14.468.786.580	-	-	-	-	14.468.786.580

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
▪ Chi phí XDCCB dở dang	77.708.586.292	58.671.380.635
Trong đó: những công trình, hạng mục lớn		
- Công trình cao ốc văn phòng công ty	48.991.791.786	34.564.562.213
- Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	950.739.000	950.739.000
- Công trình Phú Mỹ	27.766.055.506	23.156.079.422
▪ Mua sắm tài sản cố định	-	-
▪ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	77.708.586.292	58.671.380.635
8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
1. Đầu tư cổ phiếu	-	-
2. Đầu tư trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
4. Cho vay dài hạn	-	-
5. Đầu tư dài hạn khác (DA Phường 28, quận B.Thanh, Tp.HCM)	4.721.578.152	4.721.578.152
Tổng cộng	5.721.578.152	5.721.578.152
9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
▪ Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	1.838.662.823
▪ Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	3.237.606.539	1.058.306.581
▪ Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn	702.149.384	169.101.637
Tổng cộng	3.939.755.923	3.066.071.041

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
10.1. Vay ngắn hạn	49.329.779.906	16.123.364.631
▪ Vay ngân hàng	49.329.779.906	16.009.664.631
- Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - CN 7	49.329.779.906	8.971.668.476
- Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Gia Định	-	7.037.996.155
▪ Vay đối tượng khác	-	113.700.000
10.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	49.329.779.906	16.123.364.631
11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
11.1. Thuế phải nộp nhà nước	11.275.888.931	2.910.558.080
▪ Thuế GTGT	10.579.367	-
▪ Thuế TTĐB	-	-
▪ Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
▪ Thuế TNDN	11.256.938.132	2.899.324.376
▪ Thuế tài nguyên	-	-
▪ Thuế nhà đất	-	-
▪ Tiền thuế đất	-	-
▪ Các loại thuế khác	8.371.432	11.233.704
- Thuế thu nhập cá nhân	4.184.147	7.046.419
- Các loại thuế khác	4.187.285	4.187.285
11.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
▪ Các khoản phí, lệ phí	-	-
▪ Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	11.275.888.931	2.910.558.080

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
▪ Tài sản thừa chờ xử lý	901.313.523	-
▪ BHXH, BHYT	249.979.872	100.801.830
▪ KPCĐ	69.329.495	134.796.428
▪ Doanh thu chưa thực hiện	-	-
▪ Phải trả về cổ phần hoá	-	-
▪ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
▪ Cổ tức phải trả	-	-
▪ Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.844.818.754	4.487.470.771
Tổng cộng	6.065.441.644	4.723.069.029

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2009 là:

▪ Phải trả phần vốn Nhà nước	239.941.478
▪ Phần CP trả chậm phải trả cho Nhà nước	98.700.000
▪ Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	3.944.996.753
▪ Thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu	154.301.000
▪ Phải trả Nhà nước (hàng tam nhập tái xuất)	170.804.546
▪ Thu theo kháng nghị của Viện Kiểm Sát Bình Thạnh	35.806.400
▪ Các đối tượng khác	200.268.577
Tổng cộng	4.844.818.754

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VNĐ

13.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
▪ Số dư đầu năm nay	102.198.180.000	153.910.785.047	(3.288.801.000)	22.254.746.850	4.451.340.153	32.793.226.726
▪ Tăng trong năm nay	-	-	(4.583.074.000)	-	615.219.872	56.239.010.475
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	56.239.010.475
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	615.219.872	-
- Tăng khác	-	-	(4.583.074.000)	-	-	-
▪ Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	25.592.261.953
Trong đó:						
▪ Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ	-	-	-	-	-	5.268.803.626
- Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
- Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	615.219.872
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	4.653.583.754
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-	-	-
▪ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	19.766.696.000
▪ Giảm khác	-	-	-	-	-	556.762.327
▪ Số dư cuối năm nay	102.198.180.000	153.910.785.047	(7.871.875.000)	22.254.746.850	5.066.560.025	63.439.975.248

13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	2.794.450.000	2,84%	5.494.450.000	5,45%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	95.603.730.000	97,16%	95.403.730.000	94,55%
Tổng cộng	98.398.180.000	100%	100.898.180.000	100%
* Thặng dư vốn cổ phần	153.910.785.047		153.910.785.047	
* Cổ phiếu ngân quỹ	3.800.000.000 (380.000 cổ phiếu)		1.300.000.000 (130.000 cổ phiếu)	

13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm 2009 (VNĐ)	Năm 2008 (VNĐ)
▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.198.180.000	102.198.180.000
- Vốn góp đầu năm	102.198.180.000	102.198.180.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	102.198.180.000	102.198.180.000
▪ Cổ tức lợi nhuận đã chia	19.766.696.000	25.231.661.000

13.4. Cổ tức

▪ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	20%	25%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:		
▪ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		

13.5. Cổ phiếu	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
▪ Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	10.219.818	10.219.818
▪ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.818	10.219.818
- Cổ phiếu thường	10.219.818	10.219.818
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
▪ Số lượng Cổ phiếu được mua lại	380.000	130.000
- Cổ phiếu thường	380.000	130.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.839.818	10.089.818
- Cổ phiếu thường	9.839.818	10.089.818
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/CP

13.6. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2009 (VNĐ)	01/01/2009 (VNĐ)
▪ Quỹ đầu tư phát triển	22.254.746.850	22.254.746.850
▪ Quỹ dự phòng tài chính	5.066.560.025	4.451.340.153
▪ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
▪ Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.228.875.891	2.348.478.437
▪ Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

13.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

13.6.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

13.6.3. Quỹ khen thưởng được dùng để

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

13.6.4. Quỹ phúc lợi được dùng để

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

14. DOANH THU

Chi tiêu	Năm 2009 (VNĐ)	Năm 2008 (VNĐ)
14.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
▪ Tổng doanh thu	562.629.064.603	457.454.766.011
- Doanh thu bán hàng	561.127.992.321	456.174.830.760
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.501.072.282	1.279.935.251
▪ Các khoản giảm trừ doanh thu	12.925.455	107.454.546
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	12.925.455	107.454.546
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
- Thuế TTĐB		
- Thuế xuất khẩu		
▪ Doanh thu thuần	562.616.139.148	457.347.311.465
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	561.115.066.866	456.067.376.214
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	1.501.072.282	1.279.935.251
14.2. Doanh thu hoạt động tài chính	13.021.849.597	22.304.170.603
▪ Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.923.677.855	17.035.577.531
▪ Đầu tư chứng khoán	-	602.924.000
▪ Cổ tức, lợi nhuận được chia	53.600.000	-
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.044.571.742	4.189.169.072
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	476.500.000

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 (VNĐ)	Năm 2008 (VNĐ)
▪ Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	386.927.885.172	316.810.257.681
▪ Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	81.271.038.197	84.833.749.098
▪ Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng cộng	468.198.923.369	401.644.006.779

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 (VNĐ)	Năm 2008 (VNĐ)
▪ Chi phí lãi vay	1.992.278.010	3.057.433.850
▪ Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	3.187.280.000	-
▪ Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.810.267.173	3.247.790.069
▪ Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	799.689.002
▪ Dự phòng giảm giá chứng khoán	(4.630.671.700)	5.171.724.000
Tổng cộng	4.359.153.483	12.276.636.921

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 (VNĐ)	Năm 2008 (VNĐ)
▪ Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.868.971.822	8.036.639.196
▪ Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	13.868.971.822	8.036.639.196

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi tiêu	Năm 2009 (VNĐ)	Năm 2008 (VNĐ)
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.970.515.630	271.104.464.608
2. Chi phí nhân công	74.567.009.675	60.685.925.119
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	3.794.131.182	3.070.419.935
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.100.241.317	1.140.976.462
5. Chi phí khác bằng tiền	16.492.749.998	13.543.044.994
Tổng cộng	410.924.647.802	349.544.831.118

IV. Những thông tin khác:

- Số liệu so sánh
- Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu
Đã ký

Nguyễn Quang Đức

Kế Toán Trưởng
Đã ký

Nguyễn Thị Thu Vân

Lập, ngày 04 tháng 02 năm 2010
Tổng Giám Đốc
Đã ký



Nguyễn Gia Vinh



Văn phòng
Công ty May Gilimex Thanh Mỹ





**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH - GILIMEX**

Trụ sở chính: Tầng 4, Toà nhà Gilimex Building,
Số 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08 3510 8508 ▪ Fax: 08 3551 0585 ▪ Email: gilimex@hcm.vnn.vn

www.gilimex.com

